

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 3 - 2021.

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Hợp

2. Bà Hoàng Thị Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Trinh là Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1142/2020/TLST-HN ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/02/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hồ Văn D, sinh năm: 1978. Địa chỉ: 129/10 Amakhê, phường T.L, thành phố B.M.T.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1979. Địa chỉ: 42 đường 1/5 thành phố QN; Tạm trú: 720 T.H.Đ, thành phố Q.N, tỉnh B.Đ.

(Anh D, chị T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn anh Hồ Văn D trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu, đến ngày 12/12/2001 anh chị kết hôn tại UBND phường Đ.Đ., TP. Q.N, tỉnh B.Đ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị T cờ bạc, không lo cho gia đình. Mâu thuẫn vợ

chồng gay gắt nhất là từ năm 2003, anh đã đi nơi khác để làm ăn, sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ 2003 cho đến nay.

Nay anh yêu cầu được ly hôn chị Nguyễn Thị T để hai bên ổn định cuộc sống, vì vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn tình cảm, không còn trách nhiệm với nhau.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là Hồ M.T, sinh ngày 07/9/2002. Hiện nay con chung đã trưởng thành, sức khỏe bình thường, ly hôn anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị T tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu tòa giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T:

Chị Nguyễn Thị T cố tình vắng mặt, không đến Tòa để làm việc, nên Tòa không lấy được lời khai.

+ *Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp.Q.N phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn anh Hồ Văn D đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định tại các Điều 70, 71 Bộ luật TTDS. Bị đơn chị Nguyễn Thị T chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật TTDS.

+ *Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:* Áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Hồ Văn D xin ly hôn chị Nguyễn Thị T.

- Con chung: Anh D và chị T có một con chung là Hồ M.T, sinh ngày 07/9/2002. Hiện nay con chung đã trưởng thành, anh D không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

- Tài sản chung: Anh D không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Án phí HNGĐ: Anh Hồ Văn D phải chịu 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Hồ Văn D là nguyên đơn trong vụ án, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên Tòa hôm nay. Bị đơn là chị Nguyễn Thị T mặc dù đã được Tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều

228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D và chị T theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Anh Hồ Văn D và chị Nguyễn Thị T trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, theo anh D trình bày là do chị T không lo cho gia đình, cờ bạc. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2003 cho đến nay, không còn tình cảm, không còn trách nhiệm với nhau. Nay anh D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân đã lâu nên anh yêu cầu được ly hôn chị Nguyễn Thị T để ổn định cuộc sống.

Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T không hợp tác, không đến Tòa làm việc mặc dù anh biết Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh D, điều này chứng tỏ chị không có thiện chí muốn hòa hợp.

Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh Hồ Văn D được ly hôn chị Nguyễn Thị T là phù hợp với Điều 51, 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh D và chị T có một con chung là Hồ M.T, sinh ngày 07/9/2002. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên anh D không yêu cầu tòa giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh D không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

[5] Về án phí : Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội anh Hồ Văn D phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân gia đình.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q.N phát biểu phù hợp nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Hồ Văn D được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2- Về con chung: Anh Hồ Văn D và chị Nguyễn Thị T có một con chung là Hồ M.T, sinh ngày 07/9/2002. Con chung đã trưởng thành, anh D không yêu cầu, tòa không giải quyết.

3 - Tài sản chung: Anh Hồ Văn D không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

4 - Án phí HNGĐST: Anh Hồ Văn D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003220 ngày 16/12/2020 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Q.N.

Báo cho các bên đương sự biết thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND Tp.Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu : VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Ngọc Lan

